

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
PHÚC THỊNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 30

361
ÔNG
CỔ P
KẾ X
HUY
TUC
J - T

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Tô Khải Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Huân	Thành viên
Ông Hồ Thanh Đức	Thành viên
Ông Trần Minh Trúc	Thành viên
Ông Yang, Pei Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Thị Ngọc Thùy	Trưởng ban
Ông Hoàng Trường Giang	Thành viên
Ông Trần Ngọc Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Quang Huân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/06/2020)
Ông Tô Khải Đạt	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/06/2020)
Ông Hồ Thanh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Trúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lữ Đình Huệ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2020)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Quang Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020



Số: 21.144-R/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh, được lập ngày 24 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.745.924.992	228.987.050.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	33.795.768.344	39.643.012.864
1. Tiền	111		25.848.801.506	31.696.256.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.946.966.838	7.946.755.879
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.972.367.962	107.952.874.269
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	11.174.567.573	88.062.476.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.109.546.046	9.140.285.129
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.3	9.005.000.000	8.325.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.683.254.343	2.425.112.144
III. Hàng tồn kho	140		67.774.476.757	50.198.363.233
1. Hàng tồn kho	141	4.5	67.774.476.757	50.198.363.233
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.203.311.929	31.192.800.433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	96.689.946	216.536.262
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.106.621.983	30.976.264.171
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.736.040.545	72.154.686.902
I. Tài sản cố định	220		3.179.658.393	3.606.198.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	2.985.644.196	3.364.220.751
Nguyên giá	222		10.117.562.194	10.034.453.103
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.131.917.998)	(6.670.232.352)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	194.014.197	241.977.423
Nguyên giá	228		553.940.120	553.940.120
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(359.925.923)	(311.962.697)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.9	48.307.052.013	49.301.666.829
1. Nguyên giá	231		54.274.740.909	54.274.740.909
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.967.688.896)	(4.973.074.080)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	14.648.363.067	15.831.316.104
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.261.000.000	6.261.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.200.000.000	16.200.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.812.636.933)	(6.629.683.896)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.600.967.072	3.415.505.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	1.600.967.072	3.415.505.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		219.481.965.537	301.141.737.701

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		170.940.866.194	245.310.240.416
I. Nợ ngắn hạn	310		151.244.071.482	234.426.604.112
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	49.062.045.498	127.327.295.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	10.679.510.574	8.820.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	48.957.999	2.176.858.184
4. Phải trả người lao động	314		23.800.000	2.980.590.150
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		134.940.814	13.820.325.302
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	5.684.853.776	2.865.388.066
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	82.404.958.169	73.555.647.598
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	3.205.004.652	2.880.499.312
II. Nợ dài hạn	330		19.696.794.712	10.883.636.304
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	14.065.901.756	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	399.532.706	420.915.804
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.16	5.231.360.250	10.462.720.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.541.099.343	55.831.497.285
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	48.541.099.343	55.831.497.285
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.512.000.000	11.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.772.297.492	5.447.792.152
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(743.198.149)	6.871.705.133
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.477.694.453	4.115.952.633
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.220.892.602)	2.755.752.500
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		219.481.965.537	301.141.737.701



Bùi Quang Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Hoàng Vũ
Kế toán trưởng

Trần Huỳnh Trúc Phương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	120.392.667.095	378.204.926.790
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.392.667.095	378.204.926.790
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	112.249.090.603	332.854.349.209
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.143.576.492	45.350.577.581
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		816.818.621	1.072.568.706
6. Chi phí tài chính	22	4.22	3.961.645.587	4.293.408.592
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.778.597.220	3.416.824.282
7. Chi phí bán hàng	25	4.23	(3.251.326.912)	8.971.573.733
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.24	11.275.865.405	24.317.915.036
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.025.788.967)	8.840.248.926
10. Thu nhập khác	31		2.186.241	170.552.439
11. Chi phí khác	32		197.289.876	177.261.759
12. Lợi nhuận khác	40		(195.103.635)	(6.709.320)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.220.892.602)	8.833.539.606
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.26	-	2.290.129.344
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.220.892.602)	6.543.410.262

**Bùi Quang Huân**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Hoàng Vũ
Kế toán trưởng**Trần Huỳnh Trúc Phương**
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.220.892.602)	8.833.539.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.25	1.504.263.688	1.507.752.089
Các khoản dự phòng	03		(4.048.407.213)	7.943.591.253
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.601.996)	78.854.919
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(544.418.554)	(689.704.807)
Chi phí lãi vay	06	4.22	2.778.597.220	3.416.824.282
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		(3.535.459.457)	21.090.857.342
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		89.875.913.507	9.129.176.317
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.576.113.524)	(16.832.613.047)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(79.410.324.139)	(32.566.437.700)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.934.385.039	(1.059.000.559)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.781.342.227)	(2.447.088.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(1.653.008.573)	(1.136.767.882)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(545.000.000)	(670.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.690.949.374)	(24.491.873.577)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(83.109.091)	(264.572.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(680.000.000)	(8.325.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		205.190.303	689.704.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(557.918.788)	(7.899.867.648)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.27	121.158.935.935	84.169.930.962
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.28	(112.309.625.364)	(92.488.015.673)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(446.182.700)	(2.256.219.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.403.127.871	(10.574.304.361)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(5.845.740.291)	(42.966.045.586)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.643.012.864	75.993.501.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.504.229)	(65.889.012)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	33.795.768.344	32.961.566.468



Bùi Quang Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Hoàng Vũ
Kế toán trưởng

Trần Huỳnh Trúc Phương
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Thiết Kế - Xây Dựng - Thương Mại Phúc Thịnh. Ngày 07 tháng 01 năm 2008, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302365984 ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 32.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Tô Khải Đạt	Việt Nam	7.600.000.000	23,75	7.600.000.000	23,75
Ông Bùi Quang Huân	Việt Nam	3.840.000.000	12,00	3.840.000.000	12,00
Ông Hồ Thanh Đức	Việt Nam	1.600.000.000	5,00	1.600.000.000	5,00
Ông Trần Minh Trúc	Việt Nam	1.600.000.000	5,00	1.600.000.000	5,00
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Việt Nam	380.000.000	1,19	380.000.000	1,19
Các cổ đông khác	Việt Nam	16.980.000.000	53,06	16.980.000.000	53,06
Cộng		32.000.000.000	100	32.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 107 (31 tháng 12 năm 2019 là: 109).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế, xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Chuẩn bị mặt bằng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa thiết bị điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các công ty con và liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Phuc Thinh (Cambodia) Corporation	National Way 1, BavetKangdel Village, Sangkat Bavet City, Svay Rieng Province, Cambodia	60%	60%	60%
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Bồi Long	Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 50, Khu Phố Bình Chánh Đông, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	477.041.895	4.317.235.894
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.371.759.611	27.379.021.091
Các khoản tương đương tiền	7.946.966.838	7.946.755.879
Cộng	33.795.768.344	39.643.012.864

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5%/năm.

Giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay ngắn hạn là 7.946.966.838 VND – Xem thêm mục 4.17.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.29	360.050.832	4.442.661.054
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	4.071.403.952	2.536.957.821
Công ty TNHH Lu Thai (Việt Nam)	3.340.462.431	4.124.231.791
Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	1.814.164.095	3.823.996.675
Các khách hàng khác	1.588.486.263	73.134.629.655
Cộng	11.174.567.573	88.062.476.996

4.3. Phải thu về cho vay

Là khoản phải thu về cho vay bên liên quan, thời hạn cho vay là 1 năm với lãi suất 8%/năm – Xem thêm mục 4.29.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ bên liên quan –				
Xem thêm mục 4.29	660.402.084	-	340.400.000	-
Phải thu người lao động	2.866.007.060	-	274.465.000	-
Ký cược, ký quỹ	778.000.000	-	1.081.300.000	-
Các khoản chi hộ	34.642.000	-	205.134.500	-
Lãi tiền gửi	19.437.126	-	21.187.051	-
Phải thu khác	324.766.073	-	502.625.593	-
Cộng	4.683.254.343	-	2.425.112.144	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	59.093.924	-	80.957.062	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	67.535.411.542	-	50.117.406.171	-
Hàng hóa	179.971.291	-	-	-
Cộng	67.774.476.757	-	50.198.363.233	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 bao gồm các công trình xây dựng như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công trình Công ty Billion	28.746.480.867	19.361.604.085
Công trình Công ty Best South	26.801.761.536	11.774.205.195
Công trình Công ty Bai Kai	10.444.954.714	11.352.106.674
Các công trình khác	1.542.214.425	7.629.490.217
Cộng	67.535.411.542	50.117.406.171

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm	85.116.460	146.916.784
Công cụ dụng cụ	11.573.486	69.619.478
Cộng	96.689.946	216.536.262
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ thi công công trình	375.183.054	1.254.596.358
Công cụ dụng cụ văn phòng	573.752.540	1.182.862.223
Chi phí sửa chữa văn phòng	652.031.478	978.047.214
Cộng	1.600.967.072	3.415.505.795

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	3.058.028.229	5.708.581.819	1.267.843.055	10.034.453.103
Mua trong kỳ	-	-	83.109.091	83.109.091
Tại ngày 30/06/2020	3.058.028.229	5.708.581.819	1.350.952.146	10.117.562.194
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	2.554.262.508	3.243.390.935	872.578.909	6.670.232.352
Khấu hao trong kỳ	41.245.128	322.477.272	97.963.246	461.685.646
Tại ngày 30/06/2020	2.595.507.636	3.565.868.207	970.542.155	7.131.917.998
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	503.765.721	2.465.190.884	395.264.146	3.364.220.751
Tại ngày 30/06/2020	462.520.593	2.142.713.612	380.409.991	2.985.644.196

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.154.268.392 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 2.212.028.228 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2020	553.940.120
Tại ngày 30/06/2020	553.940.120
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2020	311.962.697
Khấu hao trong kỳ	47.963.226
Tại ngày 30/06/2020	359.925.923
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2020	241.977.423
Tại ngày 30/06/2020	194.014.197

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	4.544.000.000	-	-	4.544.000.000
Nhà	49.730.740.909	-	-	49.730.740.909
Cộng	54.274.740.909	-	-	54.274.740.909
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	5.967.688.896	994.614.816	-	4.973.074.080
Cộng	5.967.688.896	994.614.816	-	4.973.074.080
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	4.544.000.000			4.544.000.000
Nhà	43.763.052.013			44.757.666.829
Cộng	48.307.052.013			49.301.666.829

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại địa chỉ 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư này đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.17.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Phuc Thinh (Cambodia) Corporation	6.261.000.000	(*)	-	6.261.000.000	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Bồi Long	16.200.000.000	(*)	(7.812.636.933)	16.200.000.000	(*)	(6.629.683.896)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Khoản đầu tư vào công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 567/BKHD-ĐTRNN do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12 tháng 11 năm 2012 chứng nhận Công ty đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án tại Campuchia với tên Phuc Thinh (Cambodia) Corporation với tổng vốn đầu tư là 500.000 USD tương đương 10.500.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Phuc Thinh (Cambodia) Corporation là 60%, tương đương 300.000 USD.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết theo Quyết định của Hội Đồng Quản Trị ngày 10 tháng 04 năm 2017, số vốn Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bồi Long là 16.200.000.000 VND chiếm 45% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Xây dựng và Kết cấu Thép Trường Phú – CN Bình Dương	5.983.443.922	5.983.443.922	-	-
Công ty Cổ phần XD TM DV Đại Lộc Phát	4.779.467.545	4.779.467.545	4.062.046.497	4.062.046.497
Công ty Cổ phần Siêu thị VLXD Thế Giới Nhà	4.592.667.500	4.592.667.500	12.938.833.500	12.938.833.500
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Phương Kha	4.443.856.460	4.443.856.460	8.821.586.930	8.821.586.930
Công ty TNHH Cơ khí và Xây lắp Anh Pha	2.913.534.991	2.913.534.991	5.770.703.095	5.770.703.095
Phải trả các đối tượng khác	26.349.075.080	26.349.075.080	95.734.125.478	95.734.125.478
Cộng	49.062.045.498	49.062.045.498	127.327.295.500	127.327.295.500

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Jifa Huahe (Cambodia) Knitting Co., Ltd	10.661.510.574	-
Các khách hàng khác	18.000.000	8.820.000.000
Cộng	10,679,510,574	8.820.000.000
Dài hạn:		
Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	13.834.083.574	-
Công ty TNHH Best South Việt Nam	231.818.182	-
Cộng	14.065.901.756	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.653.008.573	1.653.008.573
Thuế thu nhập cá nhân	48.957.999	328.741.746	803.633.358	523.849.611
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.363.200	1.363.200	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	48.957.999	333.104.946	2.461.005.131	2.176.858.184

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	1.024.926.670	1.009.755.470
Cổ tức phải trả	3.200.000.000	446.182.700
Các khoản phải trả khác	1.459.927.106	1.409.449.896
Cộng	5.684.853.776	2.865.388.066
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	399.532.706	420.915.804

4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2020	2.880.499.312
Trích trong kỳ	324.505.340
Tại ngày 30/06/2020	3.205.004.652

4.16. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng bảo hành công trình So Yang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	-	-	10.867.000.000	10.867.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Tân Bình	42.818.016.800	42.818.016.800	42.818.016.800	49.911.435.383	49.911.435.383	49.911.435.383
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Sài Gòn	39.586.941.369	39.586.941.369	67.473.919.135	51.531.189.981	23.644.212.215	23.644.212.215
Cộng	82.404.958.169	82.404.958.169	121.158.935.935	112.309.625.364	73.555.647.598	73.555.647.598

Vay ngắn hạn là các khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Sài Gòn, để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công, xây lắp; phát hành bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng và bảo hành. Các khoản vay này chịu lãi suất lần lượt là 7,5%/năm và 7,7%/năm.

Các khoản vay ngắn hạn này được bảo đảm bởi:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 với số tiền 7.946.966.838 VND – Xem thêm mục 4.1.
- Bất động sản đầu tư tọa lạc tại 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 48.307.052.013 VND – Xem thêm mục 4.9.
- Bảo lãnh cá nhân bởi ông Tô Khải Đạt – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Xem thêm mục 4.29.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	32.000.000.000	11.512.000.000	5.323.001.933	8.130.533.071	56.965.535.004
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	6.543.410.262	6.543.410.262
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	124.790.219	(124.790.219)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	(124.790.219)	(124.790.219)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(545.000.000)	(545.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	32.000.000.000	11.512.000.000	5.447.792.152	10.679.362.895	59.639.155.047
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(3.787.657.762)	(3.787.657.762)
Giảm khác	-	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	32.000.000.000	11.512.000.000	5.447.792.152	6.871.705.133	55.831.497.285
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(3.220.892.602)	(3.220.892.602)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019	-	-	324.505.340	(324.505.340)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	(324.505.340)	(324.505.340)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(545.000.000)	(545.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	32.000.000.000	11.512.000.000	5.772.297.492	(743.198.149)	48.541.099.343

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Tô Khải Đạt	7.600.000.000	7.600.000.000
Ông Bùi Quang Huân	3.840.000.000	3.840.000.000
Ông Hồ Thanh Đức	1.600.000.000	1.600.000.000
Ông Trần Minh Trúc	1.600.000.000	1.600.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	380.000.000	380.000.000
Các cổ đông khác	16.980.000.000	16.980.000.000
Cộng	32.000.000.000	32.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.200.000	3.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.200.000	3.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.200.000	3.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	5.447.792.152
Trích trong kỳ	324.505.340
Tại ngày 30/06/2020	5.772.297.492

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.635,49	387,21

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Khánh Phát – Xóa sổ do không có khả năng thu hồi nợ	127.877.365	127.877.365
Công ty TNHH Xây dựng Pha Định – Xóa sổ do không có khả năng thu hồi nợ	211.093.899	211.093.899
4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	78.002.629.391	176.829.450.424
Doanh thu bán hàng	40.248.080.668	199.002.974.224
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.141.957.036	2.372.502.142
Cộng	120.392.667.095	378.204.926.790
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	874.013.908	3.949.115.250
4.21. Giá vốn hàng bán		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	74.454.215.660	177.252.624.079
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.284.659.460	153.611.841.210
Giá trị của dịch vụ đã cung cấp	1.510.215.483	1.989.883.920
Cộng	112.249.090.603	332.854.349.209
4.22. Chi phí tài chính		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.778.597.220	3.416.824.282
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.182.953.037	648.017.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95.330	228.211.712
Chi phí tài chính khác	-	355.513
Cộng	3.961.645.587	4.293.408.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	1.360.470.000	1.313.311.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.763.338	312.647.545
Chi phí bằng tiền khác	28.800.000	50.040.760
Dự phòng bảo hành hàng hóa	-	7.295.574.168
Hoàn nhập dự phòng bảo hành hàng hóa	(5.231.360.250)	-
Cộng	(3.251.326.912)	8.971.573.733

4.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.918.871.000	21.523.316.947
Chi phí đồ dùng văn phòng	931.656.694	749.460.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	863.312.155	508.009.402
Thuế, phí và lệ phí	128.215.445	111.904.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.248.491.424	1.102.066.076
Chi phí bằng tiền khác	185.318.687	323.157.240
Cộng	11.275.865.405	24.317.915.036

4.25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.022.007.017	81.012.231.650
Chi phí nhân công	19.378.067.889	62.400.143.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.504.263.688	1.507.752.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.373.508.405	70.288.028.971
Chi phí khác bằng tiền	392.869.508	542.506.719
Chi phí dự phòng	(5.231.360.250)	7.295.574.168
Cộng	101.439.356.257	223.046.237.571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(3.220.892.602)	8.833.539.606
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.482.099.020	2.617.107.115
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(5.032.532)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(743.826.114)	11.450.646.721
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	2.290.129.344

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.27. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	121.158.935.935	84.169.930.962

4.28. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(112.309.625.364)	(92.488.015.673)

4.29. Thông tin về các bên liên quanDanh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Phúc Thịnh (Cambodia) Corporation | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Bồi Long | Công ty liên kết |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phúc Thịnh (Cambodia) Corporation:		
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.2	360.050.832	4.442.661.054

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Bồi Long:		
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.3	9.005.000.000	8.325.000.000
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.4	660.402.084	340.400.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phuc Thinh (Cambodia) Corporation:		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 4.20	874.013.908	3.949.115.250

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Bồi Long:		
Cho vay – Xem thêm mục 4.3	680.000.000	8.325.000.000
Lãi cho vay	320.002.084	321.000.000
Nhận tiền chi trả lãi vay	-	107.200.000
Cho mượn tiền	500.000.000	-
Nhận lại tiền cho mượn	500.000.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị:		
Đi vay	10.867.000.000	4.750.000.000
Trả nợ vay	10.867.000.000	6.400.000.000

Cam kết bảo lãnh:

Ông Tô Khải Đạt, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đã dùng bất động sản thuộc sở hữu của mình tọa lạc tại 57 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá trị 6.959.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình và số tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 20.000.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Sài Gòn – Xem thêm mục 4.17.

Thù lao của Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	1.439.958.000	1.432.217.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.30. Thu nhập Ban kiểm soát**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	183.432.000	140.874.000

4.31. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.795.768.344	39.643.012.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.218.814.856	98.812.589.140
Cộng	55.014.583.200	138.455.602.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	82.404.958.169	73.555.647.598
Phải trả người bán và phải trả khác	54.121.505.310	130.613.599.370
Chi phí phải trả	134.940.814	13.820.325.302
Cộng	136.661.404.293	217.989.572.270

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền và tương đương tiền	33.795.768.344	39.643.012.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.218.814.856	98.812.589.140
Cộng	55.014.583.200	138.455.602.004

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	82.404.958.169	53.856.913.418	136.261.871.587
Từ 1 – 5 năm	-	399.532.706	399.532.706
Tại ngày 30/06/2020	82.404.958.169	54.256.446.124	136.661.404.293
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	73.555.647.598	144.013.008.868	217.568.656.466
Từ 1 – 5 năm	-	420.915.804	420.915.804
Tại ngày 01/01/2020	73.555.647.598	144.433.924.672	217.989.572.270

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác VND	Tiền và tương đương tiền VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2020			
Việt Nam Đồng	20.518.204.843	33.665.420.960	54.183.625.803
Đô la Mỹ	700.610.013	130.347.384	830.957.397
Cộng	21.218.814.856	33.795.768.344	55.014.583.200
Tại ngày 01/01/2020			
Việt Nam đồng	56.160.243.483	39.634.035.614	95.794.279.097
Đô la Mỹ	42.652.345.657	8.977.250	42.661.322.907
Cộng	98.812.589.140	39.643.012.864	138.455.602.004

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay VND	Phải trả thương mại và phải trả khác VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2020			
Việt Nam Đồng	82.404.958.169	53.960.677.640	136.365.635.809
Đô la Mỹ	-	295.768.484	295.768.484
Cộng	82.404.958.169	54.256.446.124	136.661.404.293
Tại ngày 01/01/2020			
Việt Nam Đồng	73.555.647.598	144.161.150.884	217.716.798.482
Đô la Mỹ	-	272.773.788	272.773.788
Cộng	73.555.647.598	144.433.924.672	217.989.572.270

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ tăng/giảm lợi nhuận sau thuế là 42.822.067 VND (Kỳ trước: 849.366.578 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối kỳ không phản ánh rủi ro trong suốt kỳ.

4.32. Các sự kiện quan trọng

Tổ chức Y tế thế giới đã công bố vi rút Corona và Covid-19 là tình trạng khẩn cấp về y tế toàn cầu vào ngày 30/01/2020. Kể từ đó, Công ty đã trải qua những khó khăn trong hoạt động như sau:

- Giảm sút doanh thu và dòng tiền: Doanh thu và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh đã giảm trên 50% do ảnh hưởng của Covid-19.
- Việc thi công, nghiệm thu các công trình nhà xưởng, nhà máy bị trì trệ. Số lượng công trình thi công ít đi.
- Hoạt động thương mại, xuất khẩu hàng hóa của Công ty bị hạn chế.

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Bùi Quang Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Hoàng Vũ
Kế toán trưởng

Trần Huỳnh Trúc Phương
Người lập